

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2019

“Về tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé;

Ông Sơn Sô Phonl;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hùng Cường, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2019, về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Kim Thị S**, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh **Thạch Chân V**, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh – Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Cao Tiến Đ**, chức vụ: Giám đốc (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/. Ông **Thạch Ng**, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt);

3/ Bà **Thạch Thị D**, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt);

4/ Ông **Thạch S**, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt);

5/ Bà **Kim Thị Sa R**, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Kim Thị S trình bày:

Vào năm 2003, chị với anh V xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 30/12/2009. Trong quá trình chung sống hạnh phúc vợ chồng có hai con chung tên Thạch Ph, sinh ngày 11/11/2004 và Thạch Thị N, sinh ngày 05/10/2006, hiện do vợ chồng đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tạo lập được một số tài sản chung nhưng chị và anh V tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Trà Vinh - Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần số tiền vay vốn gốc là 12.000.000 đồng. Do Ngân hàng không yêu cầu trả nợ trong vụ án này, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng của chị gồm:

Chị có tham gia một phần hụi trong dây hụi loại 5.000.000 đồng do vợ chồng bà Kim Thị Sa R và ông Thạch S làm đầu thảo, gồm 14 phần hụi, khai lần đầu vào 28/11/2015, hụi khai theo vụ lúa 04 tháng khai 01 lần, trong dây hụi này chị đã hốt hụi, còn nợ lại 03 lần hụi chết nữa thì mãn hụi.

Chị có tham gia một phần hụi trong dây hụi loại 3.000.000 đồng do vợ chồng bà Thạch Thị D và ông Thạch Ng làm đầu thảo, gồm 16 phần hụi, khai lần đầu vào 15/3/2015, hụi khai theo vụ lúa 04 tháng khai 01 lần, trong dây hụi này chị đã hốt hụi, còn nợ lại 03 lần hụi chết nữa thì mãn hụi.

Chị có tham gia một phần hụi trong dây hụi loại 3.000.000 đồng do vợ chồng bà Thạch Thị D và ông Thạch Ng làm đầu thảo, gồm 14 phần hụi, khai

lần đầu vào 15/3/2015, hội khui theo vụ lúa 04 tháng khui 01 lần, trong đây hội này chị đã hốt hội, còn nợ lại 03 lần hội chết nữa thì mãn hội.

Các phần hội này do chị tự đi làm thuê lấy tiền đóng chồng chị không có đóng hội, chị đồng ý một mình cá nhân chị đóng toàn bộ số tiền hội chết còn lại cho đến khi mãn hội.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến chị yêu cầu ly hôn là do vợ chồng sống chung nhau không hòa hợp tính tình, ngoài ra anh V không có trách nhiệm với gia đình đi làm nhưng không đưa tiền phụ chị nuôi con, thường xuyên uống rượu nên từ đó vợ chồng cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn lại được. Chị và anh V sống ly thân về mặc tình cảm từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Mặc dù sống chung nhà nhưng công việc ai người đó làm không còn quan tâm đến nhau.

Chị thấy không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Chân V.

Bị đơn anh Thạch Chân V vắng mặt nhưng có bản tự khai ngày 19/4/2019 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/9/2019 có nội dung:

Anh V có xác lập quan hệ hôn nhân với chị S và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 30/12/2009. Quá trình chung chung sống có hai con chung tên Thạch Ph, sinh ngày 11/11/2004 và Thạch Thị N, sinh ngày 05/10/2006, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì do hai con tự quyết định lựa chọn theo cha hoặc mẹ. Về tài sản chung: Anh yêu cầu tự thỏa thuận; về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Trà Vinh - Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần số tiền vay vốn gốc là 12.000.000 đồng.

Anh không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương vợ muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh – Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần, ông Thạch Ng, bà Thạch Thị D, ông Thạch S và bà Kim Thị Sa R cùng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt có nội dung thể hiện không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

- Về con chung: Có hai con chung tên Thạch Ph, sinh ngày 11/11/2004 và Thạch Thị N, sinh ngày 05/10/2006.

- Về tài sản chung: Chị S và anh V tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị S và anh V có nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Trà Vinh - Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần số tiền vay vốn gốc là

12.000.000 đồng. Ngân hàng không yêu cầu chị S và anh V trả nợ trong vụ án này.

Về nợ riêng: Chị S đồng ý cá nhân chị trả toàn bộ. Ông S, bà Sa R, ông Ng và bà D không yêu cầu chị S trả nợ trong vụ án này.

Những vấn đề mà các đương sự không thống nhất:

Chị Kim Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Chân V và yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Anh Thạch Chân V không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương vợ muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Kim Thị S được ly hôn với anh Thạch Chân V; về con chung: Giao Thạch Ph, sinh ngày 11/11/2004 và Thạch Thị N, sinh ngày 05/10/2006 cho chị S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Ph và N là muốn được sống chung với chị S, chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Chị Kim Thị S và anh Thạch Chân V tự thỏa thuận; về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Trà Vinh - Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần số tiền vay vốn gốc là 12.000.000 đồng, Ngân hàng không yêu cầu chị S và anh V trả nợ trong vụ án này; về nợ riêng của chị S: Nợ tiền hụi chết chưa đóng cho Ông S và bà Sa R tổng cộng là 15.000.000 đồng; nợ tiền hụi chết chưa đóng cho ông Ng và bà D tổng cộng là 18.000.000 đồng, Ông S, bà Sa R, ông Ng và bà D không yêu cầu chị S trả nợ trong vụ án này; nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị S xác lập quan hệ hôn nhân với anh V trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số: 159, ngày 30/12/2009 đúng theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu của anh V muốn được đoàn tụ, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án nhiều lần triệu tập anh V đến giải quyết vụ án nhưng anh cố tình vắng mặt không có lý do, đáng lẽ ra anh muốn hàn gắn tình cảm với chị S thì khi Tòa án triệu tập anh phải có mặt để trình bày nguyện vọng của mình để Tòa án xem xét, nhưng ngược lại anh bỏ mặc, không quan tâm đến việc giải quyết vụ án thể hiện ý chí của anh không quan tâm đến việc hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này với chị S. Ngoài ra theo biên bản xác minh ngày 08/08/2019 (bút lục số 85 đến 87) thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn chính do anh V thường xuyên uống rượu không lo đi làm kiếm tiền để nuôi con và phát triển kinh tế gia đình. Anh yêu cầu xin hàn gắn tình cảm nhưng chị S không chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để thỏa mãn yêu cầu xin đoàn tụ của anh V.

[4] Theo chị S trình bày vợ chồng sống chung với nhau không hòa hợp tính tình, ngoài ra anh V không có trách nhiệm với gia đình đi làm nhưng không đưa tiền phụ chị nuôi con, thường xuyên uống rượu nên từ đó vợ chồng cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn lại được. Chị và anh V sống ly thân về mặc tình cảm từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Mặc dù sống chung nhà nhưng công việc ai người đó làm không còn quan tâm đến nhau.

[5] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định anh V thường xuyên uống rượu không quan tâm, chăm sóc vợ, con cũng như không quan tâm đến kinh tế gia đình bỏ mặc chị S một mình đi làm kiếm tiền để nuôi con và lo kinh tế gia đình, từ đó làm hôn nhân của anh, chị lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị S yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Do chị S đang nuôi dưỡng luôn đảm bảo phát triển đầy đủ về mọi mặt, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Theo bản tự khai ngày 06/5/2019 cháu Ph và cháu N đều thể hiện có nguyện vọng sống chung với chị S và anh V cũng đồng ý theo nguyện vọng hai con. Do đó để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt của cháu Ph và cháu N, Hội đồng

xét xử nghĩ nên giao cháu Thạch Ph, sinh ngày 11/11/2004 và Thạch Thị N, sinh ngày 05/10/2006 cho chị S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị S không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Chị Kim Thị S và anh Thạch Chân V tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Trà Vinh - Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần số tiền vay vốn gốc là 12.000.000 đồng. Do Ngân hàng không yêu cầu chị S và anh V trả nợ trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ riêng của chị S: Nợ tiền hụi chết của Ông S và bà Sa R chưa khai hụi 03 lần với số tiền là 15.000.000 đồng; nợ tiền hụi chết của ông Ng và bà D chưa khai hụi 03 lần (trong 02 dây hụi) với số tiền là 18.000.000 đồng. Do Ông S, bà Sa R, ông Ng và bà D không yêu cầu chị S trả nợ trong vụ án này, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[11] Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Kim Thị S được ly hôn với anh Thạch Chân V.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Ph, sinh ngày 11/11/2004 và cháu Thạch Thị N, sinh ngày 05/10/2006 cho chị S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Ph và N là muốn được

sống chung với chị S. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung, do chị S không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Kim Thị S và anh Thạch Chân V tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Kim Thị S và anh Thạch Chân V nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Trà Vinh - Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần số tiền vay vốn gốc là 12.000.000 đồng. Do Ngân hàng không yêu cầu chị S và anh V trả nợ trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về nợ riêng của chị S: Nợ tiền hụi chết của Ông S và bà Sa R chưa khai hụi 03 lần với số tiền là 15.000.000 đồng; nợ tiền hụi chết của ông Ng và bà D chưa khai hụi 03 lần (trong 02 dây hụi) với số tiền là 18.000.000 đồng. Do Ông S, bà Sa R, ông Ng và bà D không yêu cầu chị S trả nợ trong vụ án này, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng thì khi nào các đương sự có yêu cầu thì được giải quyết trong vụ án khác.

6. Về án phí: Chị Kim Thị S phải chịu là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí hôn nhân và gia đình), nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002377, ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; Chị S đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân